

Bản án số: **109/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19 -7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lương Khoa
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị N**, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Tổ M, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Nam T**, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Tổ M, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày: Bà và ông Trần Nam T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, mà thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; vợ chồng sống thiếu yêu thương tôn trọng nhau. Nhiều lần bà đã cố gắng tìm cách giải quyết để vợ chồng có thể hiểu nhau nhưng không có kết quả dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, căng thẳng. Nay bà không còn tình cảm gì với ông T nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Trần T T, sinh ngày: 06/4/2001 và Trần Nhã U, sinh ngày: 03/01/2005. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Trần Nhã U, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, còn cháu T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên bà không yêu cầu .

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Nam T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Trần Nam T vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông Trần Nam T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị N được ly hôn với ông Trần Nam T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Nhã U, sinh ngày: 03/01/2005 cho bà N nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T. Còn anh Trần T T, sinh ngày: 06/4/2001 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Trần Nam T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Võ Thị N, ông Trần Nam T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N và ông Trần Nam T tự nguyện kết hôn năm 2001, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, ông bà thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Bà N trình bày quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, mà thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; vợ chồng sống thiếu yêu thương tôn trọng nhau. Nhiều lần bà đã cố gắng tìm cách giải quyết để vợ chồng có thể hiểu nhau nhưng không có kết quả dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, căng thẳng. Nay bà không còn tình cảm gì với ông T nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T để làm việc, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Qua đó, cho thấy ông T bỏ mặc, thờ ơ trong quan hệ hôn nhân với bà N. Theo kết quả xác minh ngày 30/3/2022 tại địa phương cho thấy bà N đã về nhà mẹ ruột bà N ở, còn ông T vẫn đang sống tại căn nhà của hai vợ chồng tại Ấp 4, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, bà N và ông T đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Võ Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nhã U, sinh ngày: 03/01/2005; Xét thấy, cháu U có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên cần thiết giao cháu U cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Còn con chung Trần T T, sinh ngày: 06/4/2001 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà N trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] **Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, quy định pháp luật; **phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Võ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N được ly hôn với ông Trần Nam T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 17/TP-HT,

Quyển số 01/2001 ngày 02/02/2001 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Võ Thị N và ông Trần Nam T không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Nhã U, sinh ngày 03/01/2005 cho bà Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu U đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Trần Nam T được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Võ Thị N.

Khi cần thiết, ông Trần Nam T và bà Võ Thị N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị N tạm thời không yêu cầu ông Trần Nam T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Đối với con chung là Trần T T, sinh ngày: 06/4/2001 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà N đã nộp theo biên lai thu số 0006307 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị N, ông Trần Nam T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND **phường, xã, thị trấn**;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương